

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 992/2022/HC-PT

Ngày 28 – 12 – 2022

V/v: “Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Long

Các Thẩm phán: Ông Phan Đức Phương

Ông Vũ Ngọc Huynh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Duy Minh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 469/2022/TLPT-HC ngày 10 tháng 8 năm 2022 về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2022/HC-ST ngày 23 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3116/2022/QĐ-PT ngày 7 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị T (đã chết ngày 19/6/2021);

Địa chỉ: Ấp M, thị trấn C, huyện P, tỉnh H.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà T:

1/ Bà Huỳnh Thị B (có mặt);

2/ Bà Huỳnh Thị P (vắng mặt);

3/ Bà Nguyễn Thị Kim V (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp M, thị trấn C, huyện P, tỉnh H.

4/ Bà Nguyễn Thị D (có mặt);

Địa chỉ: Ấp M, thị trấn C, huyện P, tỉnh H.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện P

Địa chỉ: Ấp M, thị trấn C, huyện P, tỉnh H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Văn P – Chức vụ: Chủ tịch;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Như L – Chức vụ: Phó Chủ tịch (đề nghị xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh H là ông Trương Thanh B - Chức vụ: Phó trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Huỳnh Thị B (có mặt);

2/ Ông Nguyễn Văn O (có mặt);

3/ Ông Nguyễn Văn C;

4/ Bà Nguyễn Thị Diễm H;

Cùng địa chỉ: Ấp M, thị trấn C, huyện P, tỉnh H.

Người đại diện theo ủy quyền của ông C, bà H là bà Huỳnh Thị B. Địa chỉ: Ấp M, thị trấn C, huyện P, tỉnh H (có mặt);

5/ Bà Nguyễn Thị D (có mặt);

Địa chỉ: Ấp M, thị trấn C, huyện P, tỉnh H.

6/ Bà Nguyễn Thị Kim V (có mặt);

Địa chỉ: Ấp M, thị trấn C, huyện P, tỉnh H.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị Kim V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22/6/2018, người khởi kiện bà Nguyễn Thị T trình bày:

Phần đất diện tích 6.448m² thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây gọi tắt là QSDĐ) số MQ-0016, do Ủy ban nhân dân huyện P (sau đây gọi tắt là UBND huyện P) cấp cho hộ bà Huỳnh Thị B vào ngày 12/02/2003, là phần đất trước đây nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất tạm thời do Hội đồng cấp giấy chứng nhận ruộng đất huyện P cấp cho bà Nguyễn Thị T vào 06/02/1993, với tổng diện tích là 19.826m².

Trước đây bà T có cho bà B 5.000m² (chỉ nói miệng, không có giấy tờ). Số diện tích 1.448m² (trong giấy chứng nhận cấp cho bà B) là bà T cho con là Nguyễn Thị D và Nguyễn Thị Kim V sử dụng ổn định, có ranh giới rõ ràng, thực tế từ trước đến nay thì bà B không có sử dụng phần đất này. Đến năm 2015, bà T mới phát hiện bà B làm thủ tục cấp giấy với diện tích tăng lên, do khi cấp giấy cho bà B thì UBND huyện P không tiến hành đo đạc, không xác định ranh đất và bà D, bà V vẫn đang canh tác trên đất nên khi phát hiện mới phát sinh tranh chấp.

Căn cứ vào khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 3 của Nghị định 17/1999/NĐ-CP ngày 29/3/1999 của Chính phủ; khoản 1 mục I Chương 3 của Thông tư số 1990/2001/TT-TCĐC của Tổng cục địa chính thì tại thời điểm cấp giấy chứng nhận QSDĐ thì chỉ có bà T mới có đủ điều kiện được đăng ký cấp giấy lần đầu. Và sau khi được cấp giấy chứng nhận QSDĐ thì bà T mới được thực hiện các quyền của người sử dụng đất, tức là làm thủ tục tặng cho QSDĐ bà B. Nhưng trong trường hợp này bà B lại đi đăng ký cấp giấy lần đầu và UBND huyện P đồng ý cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho bà B là không đúng quy định của pháp luật. Bà cho rằng nếu muốn tặng cho người khác thì phải có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tức là bà T phải được cấp giấy chứng nhận QSDĐ rồi mới thực hiện được quyền tặng cho người khác.

Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số MQ-0016, ngày 12/02/2003, do Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho hộ bà Huỳnh Thị B. Còn các vấn đề liên quan đến dân sự, nếu bà B có khởi kiện thì sẽ giải quyết bằng một vụ kiện khác.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện P là ông Lê Như L trình bày:

Nguồn gốc phần đất này là của bà Nguyễn Thị T, bà T đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất tạm thời vào ngày 06/02/1993 do Hội đồng cấp giấy chứng nhận ruộng đất huyện P cấp với tổng diện tích là 19.826m². Theo kết quả trích lục hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận QSDĐ của bà Huỳnh Thị B cho thấy, ngày 22/5/2000 bà B có Đơn xin đăng ký QSDĐ, được UBND thị trấn C xác nhận ngày 21/11/2001. Tuy nhiên Giấy chia đất cho con của bà T được xác lập ngày 07/4/2001. Đến ngày 12/02/2003, bà B được cấp giấy chứng nhận QSDĐ số MQ-0016, tổng diện tích là 6.448m², loại đất M, thửa 334 và 300.

Về thẩm quyền cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho hộ bà B là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định 66/2001/NĐ-CP ngày 28/9/2001 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 04/2000/NĐ-CP ngày 11/02/2000 về thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đất đai.

Về đối tượng, diện tích và điều kiện cấp giấy chứng nhận QSDĐ đã cấp là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định 79/2001/NĐ-CP ngày 01/11/2001 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 17/1999/NĐ-CP ngày 29/3/1999. Do bà T đã thể hiện ý chí của mình là cho bà B phần đất diện tích 6.448m², nên bà B được ký cấp giấy chứng nhận QSDĐ là đúng theo quy định của pháp luật. UBND huyện P thống nhất đề nghị Tòa án thực hiện giám định chữ ký, nếu chữ ký trong “*Giấy chia đất cho con*” đề ngày 07/4/2001 không phải của của bà T UBND huyện P sẽ thu hồi giấy chứng nhận QSDĐ số MQ-0016 ngày 12/02/2003 theo quy định tại khoản 6 Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị T là bà Nguyễn Thị P trình bày:

Bà là con ruột của bà T, bà T chết vào ngày 19/6/2021, bà T có hai người chồng là ông Huỳnh Hữu N1 và ông Nguyễn Văn Chung. Bà và bà B là con của bà T với ông N1, còn bà D, bà V là con của bà T với ông Chung. Bà T khi còn sống có cho đất bà B, bà T cũng có cho đất bà V và bà D. Khi bà T cho đất bà B thì bà có biết, khi cho có lập giấy tay, bà không biết chữ nhưng biết nội dung trong tờ cho đất đó. Do bà Nguyễn Thị T là người khởi kiện, nhưng bà T đã chết nên bà yêu cầu rút lại toàn bộ hồ sơ khởi kiện của bà T.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị T, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị Diễm H và bà Huỳnh Thị B trình bày:

Phần đất diện tích 6.448m² thuộc Giấy chứng nhận QSDĐ số MQ-0016, do UBND huyện P cấp cho hộ bà Huỳnh Thị B vào ngày 12/02/2003 là do bà T chia đất cho bà với giá là 03 chỉ vàng. Về phần Giấy chia đất cho con năm 2001, thì trước đây khi lập tờ giấy chia đất này bà T chỉ có ký tên, không có xác nhận của địa phương, đến khi bà B đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà B mới thực hiện làm xác nhận của địa phương để hoàn thành thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận QSDĐ nên thời gian lập giấy chia đất và thời gian xác nhận của địa phương không khớp với nhau.

Khoảng năm 2007, bà B cho bà Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị Kim V (là chị em cùng mẹ với bà B) mượn một phần đất khoảng 1.000m² để trồng Mía, do là chị em trong gia đình nên không làm giấy tờ mượn đất. Phần đất này hiện nay bà B và con là Nguyễn Văn O đang trồng Tràm. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà B là đúng quy định của pháp luật. Do bà Nguyễn Thị T là người khởi kiện, nhưng bà T đã chết nên bà B yêu cầu rút lại toàn bộ hồ sơ khởi kiện của bà T.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị T, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim V trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của người khởi kiện là bà T. Khi bà B được cấp giấy chứng nhận QSDĐ không tiến hành đo đạc, không ký giáp ranh lân cận nên bà V không biết bà B được cấp giấy. Đối với phần diện tích 1.448m² nằm trong giấy chứng nhận QSDĐ của bà B là do mẹ bà là bà T cho bà V và bà D trồng Mía trên đất và không có ranh giới rõ ràng với phần đất của bà B. Bà T không biết chữ nên diện tích 6.448m² ghi trong Giấy chia đất cho con năm 2003 là không đúng. Nay bà V cũng đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T là hủy giấy chứng nhận QSDĐ nêu trên của hộ bà Huỳnh Thị B.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị T, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị Kim V. Bà D đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T là hủy giấy chứng nhận QSDĐ nêu trên của hộ bà Huỳnh Thị B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn O trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà Huỳnh Thị B. Do bà Nguyễn Thị T là người khởi kiện, nhưng bà T đã chết nên bà B yêu cầu rút lại toàn bộ hồ sơ khởi kiện của bà T.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 37/2018/HC-ST ngày 29/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.
- Hủy giấy chứng nhận QSDĐ số MQ-0016, cấp ngày 12/02/2003, do UBND huyện P cấp cho hộ bà Huỳnh Thị B.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quyền về thi hành án.

Tại bản án hành chính phúc thẩm số 124/2020/HC-PT ngày 19/5/2000 của Tòa án cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử:

- Hủy bản án sơ thẩm số 37/2018/HC-ST ngày 29/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.
- Chuyển hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang giải quyết lại theo quy định.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2022/HC-ST ngày 23 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, quyết định:

Căn cứ: Điều 8, Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 115; Điều 116; Điều 118; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 206, Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính 2015; Mục V Chương III của Luật đất đai năm 1987; Luật đất đai năm 1993 (sửa đổi, bổ sung năm 2001); Điểm 4 Điều 1 của Nghị định số 66/2001/NĐ-CP ngày 28/9/2001 của Chính phủ; Mục V của Quyết định số 201/QĐ/ĐKTK ngày 14/7/1989 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Quản lý ruộng đất; Điều 3 của Nghị định số 17/1999/NĐ-CP ngày 29/3/1999 của Chính phủ; Điểm a khoản 3 Chương 2; Phần I Chương 3 của Thông tư số 1990/2001/TT-TCĐC ngày 30/11/2001 của Tổng cục Địa chính; Điểm đ khoản 1 Điều 12, Khoản 1 Điều 32 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, về việc yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số MQ-0016, cấp ngày 12/02/2003, do Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho hộ bà Huỳnh Thị B, phần đất

diện tích 6.448m², loại đất Mía, thửa 300 và 334, thuộc tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại Ấp M, thị trấn C, huyện P, tỉnh H.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 30/5/2022, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà T là bà Nguyễn Thị Kim V và bà Nguyễn Thị D kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Kim V và bà Nguyễn Thị D vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bà Huỳnh Thị B đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim V và bà Nguyễn Thị D.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND huyện P, tỉnh Hậu Giang nêu quan điểm cho rằng UBND huyện P cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà Huỳnh Thị B là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền, vì thế đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa phát biểu:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính trong quá trình giải quyết vụ án. Các đương sự chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của các đương sự đảm bảo quy định pháp luật về nội dung và thời hạn kháng cáo.

- Về quan điểm giải quyết đối với đơn kháng cáo: Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa, xét thấy mặc dù thời điểm năm 1993 thì bà T mới được cấp giấy chứng nhận QSDĐ tạm thời, nên chưa có đầy đủ quyền của người sử dụng để thực hiện việc chuyển nhượng, tặng cho phần đất cho người khác. Do đó việc UBND huyện P căn cứ vào giấy chia đất cho con ngày 07/4/2001 để cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho bà B là chưa đúng quy định. Tuy nhiên, bà T là người sử dụng phần đất này liên tục, công khai, đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận QSDĐ theo quy định. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim V, Nguyễn Thị D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe Đại diện

Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết:

Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận QSDĐ số MQ-0016 ngày 12/02/2003 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho hộ bà Huỳnh Thị B, phần đất diện tích 6.448m², loại đất Mía, thửa 300 và 334, thuộc tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại Ấp M, thị trấn C, huyện P, tỉnh H. Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất nêu trên là Quyết định hành chính và là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, do đó Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xác định đây là “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai” còn thời hiệu khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp tỉnh là đúng theo quy định tại Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 115, Điều 116, Điều 118 của Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[1.2] Về sự có mặt của các đương sự:

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là ông Lê Như L và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị T là bà Huỳnh Thị P có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về thẩm quyền ban hành:

Giấy chứng nhận QSDĐ số MQ-0016, ngày 12/02/2003, do Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho hộ bà Huỳnh Thị B là thuộc trường hợp cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho hộ gia đình. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 36 của Luật đất đai năm 1993 (sửa đổi, bổ sung năm 2001), điểm 4 Điều 1 của Nghị định số 66/2001/NĐ-CP ngày 28/9/2001 của Chính phủ thì UBND huyện P cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho hộ bà Huỳnh Thị B là đúng thẩm quyền.

[3] Về hình thức:

Căn cứ vào Mục V của Quyết định số 201/QĐ/ĐKTK ngày 14/7/1989 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Quản lý ruộng đất thì hình thức của Giấy chứng nhận QSDĐ trên là đúng hình thức.

[4] Về trình tự, thủ tục ban hành quyết định:

Các đương sự đều thống nhất phần đất diện tích 6.448m² nằm trong giấy chứng nhận QSDĐ của bà Huỳnh Thị B trước đây là của bà Nguyễn Thị T (mẹ bà B), bà T đã được Hội đồng cấp giấy chứng nhận ruộng đất huyện P cấp giấy chứng nhận QSDĐ tạm thời số 1328/HĐCG.CNRĐ ngày 06/02/1993. Bà T cho rằng, bà có cho bà B một phần đất diện tích đất là 5.000m² (nằm trong giấy chứng nhận QSDĐ tạm thời), sau đó bà B được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuy nhiên bà B lại kê khai thêm 1.448m² đất của bà T. Còn bà B thì cho rằng trước đây bà T chia phần đất diện tích 6.448m² cho bà với giá 03 chỉ

vàng, sau đó bà T lập “*Giấy chia đất cho con*” đề ngày 07/4/2001, để bà làm thủ tục cấp giấy chứng nhận QSDĐ.

Như vậy, các đương sự chỉ có tranh chấp về diện tích 1,448m². Tuy nhiên căn cứ bản Kết luận giám định số 3147/C09B ngày 31/8/2021 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận, chữ ký của bà T tại “*Giấy chia đất cho con*” đề ngày 07/4/2001 so với các mẫu chữ ký của bà do các đương sự cung cấp là cùng một người ký ra. Do đó Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xác định “*Giấy chia đất cho con*” đề ngày 07/4/2001 là ý chí của bà T cho bà B phần đất diện tích 6.448m² là có căn cứ. Đồng thời, mặc dù thời điểm năm 1993 thì bà T mới được cấp giấy chứng nhận QSDĐ tạm thời, nên chỉ có quyền lợi và nghĩa vụ theo mục V Chương III của Luật đất đai năm 1987, mà chưa có đủ các quyền của người sử dụng đất để thực hiện việc chuyển nhượng, tặng cho phần đất cho người khác theo khoản 2 Điều 3 của Nghị định số 17/1999/NĐ-CP ngày 29/3/1999 của Chính phủ, nên việc UBND huyện P căn cứ vào giấy chia đất cho con ngày 07/4/2001 để cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho bà B là chưa đúng quy định. Tuy nhiên, bà T là người sử dụng phần đất này liên tục, công khai, đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận QSDĐ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 3 Nghị định 17/1999/NĐ-CP ngày 29/3/1999 của Chính phủ. Do đó, việc UBND huyện P căn cứ vào “*Giấy chia đất cho con*” với diện tích là 6.448m² để cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho bà B là có căn cứ. Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang không hủy giấy chứng nhận QSDĐ đã cấp cho bà B đối với phần đất diện tích 6.448m² là phù hợp.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị Kim V và bà Nguyễn Thị D kháng cáo nhưng không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ nào mới, do đó Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu kháng cáo của bà V và bà D là không có cơ sở chấp nhận.

[6] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị T không được chấp nhận nên phải chịu theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, khi khởi kiện vụ án hành chính vào năm 2018, bà T thuộc diện người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền, tạm ứng án phí và án phí nên bà T được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Do đó, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị T là bà Nguyễn Thị Kim V và bà Nguyễn Thị D cũng không phải chịu tiền án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

[1] Bác kháng cáo của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị T là bà Nguyễn Thị Kim V và bà Nguyễn Thị D. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2022/HC-ST ngày 23 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

Căn cứ: Điều 8, Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 115; Điều 116; Điều 118; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 206, Điều 348 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Mục V Chương III của Luật đất đai năm 1987;

Luật đất đai năm 1993 (sửa đổi, bổ sung năm 2001);

Điều 4 Điều 1 của Nghị định số 66/2001/NĐ-CP ngày 28/9/2001 của Chính phủ;

Mục V của Quyết định số 201/QĐ/ĐKTK ngày 14/7/1989 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Quản lý ruộng đất;

Điều 3 của Nghị định số 17/1999/NĐ-CP ngày 29/3/1999 của Chính phủ;

Điều a khoản 3 Chương 2; Phần I Chương 3 của Thông tư số 1990/2001/TT-TCĐC ngày 30/11/2001 của Tổng cục Địa chính;

Điều đ khoản 1 Điều 12, Khoản 1 Điều 32 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, về việc yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số MQ-0016, cấp ngày 12/02/2003, do Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho hộ bà Huỳnh Thị B, phần đất diện tích 6.448m², loại đất Mía, thửa 300 và 334, thuộc tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại Ấp M, thị trấn C, huyện P, tỉnh H.

[2] Các phần khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim V và bà Nguyễn Thị D không phải chịu.

[4] Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- Cục THADS tỉnh Hậu Giang;
- NKK (4);
- NBK (1);
- NLQ (6);
- Lưu VT (6), HS (2) T.24 (BA 36).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thành Long